TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-4-2018
V/v "ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Hậu.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Quý H, sinh năm 1971. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Trung Nghĩa Đ, xã K, thành phố K, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1968. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 174 Hoàng Thị L, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Quý H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Quý H và anh Trần Văn T tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã K, thành phố K, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/11/2001. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên rượu chè, cờ bạc dẫn đến nợ nần; ngoài ra anh T còn nhiều lần chửi bới, xúc phạm chị H. Năm 2014 chị H đã nộp đơn ly hôn nhưng sau đó chị rút đơn về để cho anh T cơ hội sửa chữa nhưng anh không thay đổi. Tháng 8/2017 mâu thuẫn tiếp tục xảy ra, chị H nhận thấy không còn tình cảm với anh

T nên đã chuyển nơi ở mới và vợ chồng sống ly thân. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Huỳnh Phương D, sinh ngày 29/6/2001. Ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình không đến tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, thấy rằng việc Tòa án nhân dân thành phố K thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn T.

[2] Chị Huỳnh Thị Quý H và anh Trần Văn T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K, thành phố K, tỉnh K vào ngày 12/11/2001 theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Quý H và anh Trần Văn T là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, theo lời khai của chị Hạnh thì anh chị sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do: *Anh T thường xuyên rượu chè, cờ bạc dẫn đến nợ nần; ngoài ra anh T còn nhiều lần chửi bới, xúc phạm chị H.*

[4] Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Hạnh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc anh T thường xuyên rượu chè, cờ bạc, chửi bới, xúc phạm chị. Tuy nhiên, mâu thuẫn của anh chị xảy ra từ nhiều năm nay, gia đình, người thân đã có sự động viên khuyên giải và trong năm 2014 chị đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, trong thời gian Tòa án hòa giải chị đã rút đơn khởi kiện nhưng thời gian tiếp theo anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung, đặc biệt là dịp tết nguyên đán năm 2018 anh chị cũng không đoàn tụ. Tại phiên tòa chị H khẳng định không còn tình cảm với anh T và tha thiết xin được ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Thúy H.

[5] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Trần Huỳnh Phương D, hiện đang ở với chị Hạnh và là con gái đang ở độ tuổi phát triển tâm sinh lý nên cần thiết có sự chăm sóc của chị H; hơn nữa cháu D cũng có nguyện vọng ở với mẹ; chị H có nơi ở và thu nhập ổn định. Xét thấy yêu cầu của chị H là phù hợp nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Trần Huỳnh Phương D, sinh ngày 29/6/2001 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

[6] Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét; Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Quý H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" của chị Huỳnh Thị Quý H, đơn đề ngày 24/8/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Quý H được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao con chung Trần Huỳnh Phương D, sinh ngày 29/6/2001 cho chị Huỳnh Thị Quý H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Trung có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 6, 18, 19, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Huỳnh Thị Quý H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0000850 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố K. Chị H đã nộp đủ án phí.

Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13-4-2018), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh K;
- VKSND TP K;
- Chi cục THA dân sự TP K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu